

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi Điều 1, Nghị quyết số 108/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình về phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hòa Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH
KHÓA XVI, KỲ HỌP THỨ 10 (KỲ HỌP BẤT THƯỜNG)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Xét Tờ trình số 102/TTr-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020 tỉnh Hòa Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách của Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi Điều 1 Nghị quyết số 108/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình về phương án phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Hòa Bình, cụ thể:

1. Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 1 được sửa đổi như sau:

"1. Nhóm 1: (Các xã đặc biệt khó khăn, an toàn khu, các xã nghèo thuộc huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo các huyện nghèo; có 82 xã): Mức hỗ trợ bình quân từ 3,1 - 4,6 tỷ đồng/xã. Tổng nguồn vốn là 361,105 tỷ đồng.

2. Nhóm 2: (Các xã đăng ký, có khả năng phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020; có 63 xã): Mức hỗ trợ bình quân từ 7 - 12,8 tỷ đồng/xã. Tổng nguồn vốn là 576,619 tỷ đồng.

4. Nhóm 4: (Các xã còn lại và các xã đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010-2015, nhưng không thuộc đối tượng ưu tiên; có 38 xã): Mức hỗ trợ bình quân từ 2,0 - 2,2 tỷ đồng/xã. Tổng nguồn vốn là 83,2 tỷ đồng".

2. Khoản 5, Khoản 6 Điều 1 được sửa đổi như sau:

"5. Điều chỉnh giảm kinh phí Hỗ trợ đầu tư phát triển Hợp tác xã theo Quyết định số 2261/QĐ-TTg ngày 15 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ 25,5 tỷ đồng.

6. Điều chỉnh tăng dự phòng nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư 0,436 tỷ đồng. Tổng vốn dự phòng là 117,436 tỷ đồng".

(Chi tiết có biểu kèm theo Nghị quyết).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình Khóa XVI, Kỳ họp thứ 10 (Kỳ họp bất thường) thông qua ngày 14 tháng 8 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 8 năm 2019.//

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Bộ NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh (CT, các PCT);
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- LĐ Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT tin học và Công báo VP UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Hòa Bình;
- Lưu: VT, TH (M140).

CHỦ TỊCH



Trần Đăng Ninh

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2016-2020
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Nghị quyết số 169/2019/NQ-HĐND ngày 14 tháng 8 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình)

Đơn vị: Triệu đồng

ST T	Địa điểm/nội dung hỗ trợ	Tổng vốn đầu tư NSTW giai đoạn 2016-2020 được duyệt tại Nghị quyết số 108/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018	Số vốn đề nghị điều chỉnh		Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 đề nghị điều chỉnh	Nhóm xã	Mục tiêu thực hiện đến năm 2020 (tổng số tiêu chí hoàn thành)
			Tăng (+)	Giảm (-)			
	Tổng cộng	1.174.360	25.500	25.500	1.174.360		
A	Tổng vốn phân bổ các xã	1.031.860	25.064	0	1.056.924		
I	Huyện Cao Phong	56.680	400	0	57.080		
1	Xã Thung Nai	4.600			4.600	Nhóm I	11
2	Xã Yên Lập	4.600			4.600	Nhóm I	12
3	Xã Yên Thượng	4.600			4.600	Nhóm I	10
4	Xã Xuân Phong	4.400			4.400	Nhóm I	12
5	Xã Đông Phong	9.000			9.000	Nhóm II	19
6	Xã Tây Phong	9.000	400		9.400	Nhóm II	19
7	Xã Bắc Phong	2.200			2.200	Nhóm IV	16
8	Xã Tân Phong	2.200			2.200	Nhóm IV	17
9	Xã Bình Thanh	4.400			4.400	Nhóm III	15
10	Xã Thu Phong	2.200			2.200	Nhóm IV	19
11	Xã Dũng Phong	2.200			2.200	Nhóm IV	19
12	Xã Nam Phong	7.280			7.280	Nhóm II	19
II	Huyện Đà Bắc	102.830	0	0	102.830		
1	Xã Đồng Nghê	4.600			4.600	Nhóm I	13
2	Xã Suối Nánh	3.500			3.500	Nhóm I	13
3	Xã Mường Tuồng	3.100			3.100	Nhóm I	12
4	Xã Đồng Chum	4.600			4.600	Nhóm I	12
5	Xã Mường Chiềng	9.500			9.500	Nhóm II	19
6	Xã Giáp Đất	4.600			4.600	Nhóm I	12

ST T	Địa điểm/nội dung hỗ trợ	Tổng vốn đầu tư NSTW giai đoạn 2016-2020 được duyệt tại Nghị quyết số 108/2018/NQ- HĐND ngày 06/12/2018	Số vốn đề nghị điều chỉnh		Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2016- 2020 đề nghị điều chỉnh	Nhóm xã	Mục tiêu thực hiện đến năm 2020 (tổng số tiêu chí hoàn thành)
			Tăng (+)	Giảm (-)			
7	Xã Tân Pheo	4.600			4.600	Nhóm I	13
8	Xã Tân Minh	4.500			4.500	Nhóm I	13
9	Xã Đoàn Kết	4.600			4.600	Nhóm I	12
10	Xã Trung Thành	4.600			4.600	Nhóm I	12
11	Xã Yên Hòa	4.600			4.600	Nhóm I	14
12	Xã Đồng Ruộng	4.500			4.500	Nhóm I	13
13	Xã Tiên Phong	4.600			4.600	Nhóm I	13
14	Xã Vầy Nưa	4.500			4.500	Nhóm I	14
15	Xã Hiền Lương	6.130			6.130	Nhóm II	19
16	Xã Cao Sơn	4.500			4.500	Nhóm I	16
17	Xã Tu Lý	11.900			11.900	Nhóm II	19
18	Xã Toàn Sơn	4.400			4.400	Nhóm I	16
19	Xã Hào Lý	9.500			9.500	Nhóm II	19
III	Huyện Kim Bôi	146.020	0	0	146.020		
1	Xã Kim Bình	2.000			2.000	Nhóm IV	19
2	Xã Trung Bì	2.000			2.000	Nhóm IV	19
3	Xã Nam Thượng	2.200			2.200	Nhóm IV	19
4	Xã Bắc Sơn	2.200			2.200	Nhóm IV	19
5	Xã Sơn Thủy	9.500			9.500	Nhóm II	19
6	Xã Sào Báy	9.300			9.300	Nhóm II	19
7	Xã Vĩnh Đồng	12.000			12.000	Nhóm II	19
8	Xã Thượng Bì	3.915			3.915	Nhóm I	15
9	Xã Hợp Đồng	3.800			3.800	Nhóm I	12
10	Xã Lập Chiêng	3.800			3.800	Nhóm I	12
11	Xã Vĩnh Tiến	4.400			4.400	Nhóm I	12
12	Xã Kim Truy	3.800			3.800	Nhóm I	13
13	Xã Hùng Tiến	3.800			3.800	Nhóm I	11
14	Xã Cuối Hạ	4.500			4.500	Nhóm I	11
15	Xã Kim Sơn	3.800			3.800	Nhóm I	13
16	Xã Bình Sơn	4.400			4.400	Nhóm I	12

ST T	Địa điểm/nội dung hỗ trợ	Tổng vốn đầu tư NSTW giai đoạn 2016-2020 được duyệt tại Nghị quyết số 108/2018/NQ- HĐND ngày 06/12/2018	Số vốn đề nghị điều chỉnh		Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2016- 2020 đề nghị điều chỉnh	Nhóm xã	Mục tiêu thực hiện đến năm 2020 (tổng số tiêu chí hoàn thành)
			Tăng (+)	Giảm (-)			
17	Xã Thượng Tiến	3.800			3.800	Nhóm I	11
18	Xã Nật Sơn	3.800			3.800	Nhóm I	12
19	Xã Đông Bắc	4.400			4.400	Nhóm I	16
20	Xã Nuông Dăm	4.600			4.600	Nhóm I	10
21	Xã Mỹ Hòa	9.620			9.620	Nhóm I	12
22	Xã Kim Tiến	3.800			3.800	Nhóm I	14
23	Xã Đù Sáng	4.500			4.500	Nhóm I	10
24	Xã Tú Sơn	4.400			4.400	Nhóm I	11
25	Xã Hợp Kim	10.700			10.700	Nhóm II	19
26	Xã Kim Bôi	11.200			11.200	Nhóm II	19
27	Xã Hạ Bì	9.785			9.785	Nhóm II	19
IV	Huyện Kỳ Sơn	44.500	400	0	44.900		
1	Xã Độc Lập	4.600			4.600	Nhóm I	13
2	Xã Phú Minh	2.200			2.200	Nhóm IV	18
3	Xã Yên Quang	4.600			4.600	Nhóm III	14
4	Xã Dân Hạ	10.000	400		10.400	Nhóm II	19
5	Xã Phúc Tiến	2.200			2.200	Nhóm IV	17
6	Xã Mông Hóa	2.200			2.200	Nhóm IV	19
7	Xã Hợp Thành	7.000			7.000	Nhóm II	19
8	Xã Hợp Thịnh	2.200			2.200	Nhóm IV	19
9	Xã Dân Hòa	9.500			9.500	Nhóm II	19
V	Huyện Lạc Sơn	144.600	0	0	144.600		
1	Xã Yên Nghiệp	9.000			9.000	Nhóm II	19
2	Xã Tân Lập	9.000			9.000	Nhóm II	19
3	Xã Thượng Cốc	2.200			2.200	Nhóm IV	16
4	Xã Vũ Lâm	2.200			2.200	Nhóm IV	19
5	Xã Liên Vũ	2.200			2.200	Nhóm IV	19
6	Xã Nhân Nghĩa	2.200			2.200	Nhóm IV	19
7	Xã Xuất Hóa	11.700			11.700	Nhóm II	19
8	Xã Hương Nhung	9.000			9.000	Nhóm II	19

ST T	Địa điểm/nội dung hỗ trợ	Tổng vốn đầu tư NSTW giai đoạn 2016-2020 được duyệt tại Nghị quyết số 108/2018/NQ-HĐND ngày 06/12/2018	Số vốn đề nghị điều chỉnh		Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2016-2020 đề nghị điều chỉnh	Nhóm xã	Mục tiêu thực hiện đến năm 2020 (tổng số tiêu chí hoàn thành)
			Tăng (+)	Giảm (-)			
9	Xã Tân Mỹ	11.000			11.000	Nhóm II	19
10	Xã Bình Cánh	3.500			3.500	Nhóm I	13
11	Xã Yên Phú	4.400			4.400	Nhóm I	14
12	Xã Phú Lương	4.600			4.600	Nhóm I	11
13	Xã Ngọc Sơn	4.400			4.400	Nhóm I	14
14	Xã Văn Nghĩa	4.400			4.400	Nhóm I	14
15	Xã Phúc Tuy	3.400			3.400	Nhóm I	11
16	Xã Tuân Đạo	4.600			4.600	Nhóm I	11
17	Xã Miền Đồi	4.600			4.600	Nhóm I	11
18	Xã Tự Do	4.600			4.600	Nhóm I	11
19	Xã Bình Hém	4.600			4.600	Nhóm I	10
20	Xã Quý Hòa	4.600			4.600	Nhóm I	11
21	Xã Chí Thiện	3.200			3.200	Nhóm I	12
22	Xã Định Cư	4.600			4.600	Nhóm I	10
23	Xã Văn Sơn	4.400			4.400	Nhóm I	13
24	Xã Ngọc Lâu	4.600			4.600	Nhóm I	10
25	Xã Bình Chân	3.400			3.400	Nhóm I	11
26	Xã Chí Đạo	4.600			4.600	Nhóm I	11
27	Xã Mỹ Thành	4.600			4.600	Nhóm I	12
28	Xã Ân Nghĩa	9.000			9.000	Nhóm II	19
VI	Huyện Lạc Thủy	72.530	22.614	0	95.144		
1	Xã Đồng Tâm	2.200			2.200	Nhóm IV	19
2	Xã Phú Lão	2.200			2.200	Nhóm IV	19
3	Xã Cổ Nghĩa	2.200			2.200	Nhóm IV	19
4	Xã Thanh Nông	9.230	500		9.730	Nhóm II	19
5	Xã Lạc Long	9.000			9.000	Nhóm II	19
6	Xã Phú Thành	9.000			9.000	Nhóm II	19
7	Xã Liên Hòa	9.000			9.000	Nhóm II	19
8	Xã Yên Bồng	9.500	400		9.900	Nhóm II	19
9	Xã An Bình	9.000			9.000	Nhóm II	19

ST T	Địa điểm/nội dung hỗ trợ	Tổng vốn đầu tư NSTW giai đoạn 2016-2020 được duyệt tại Nghị quyết số 108/2018/NQ- HĐND ngày 06/12/2018	Số vốn đề nghị điều chỉnh		Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2016- 2020 đề nghị điều chỉnh	Nhóm xã	Mục tiêu thực hiện đến năm 2020 (tổng số tiêu chí hoàn thành)
			Tăng (+)	Giảm (-)			
10	Xã Khoan Dụ	2.200	6.000		8.200	Nhóm II	19
11	Xã An Lạc	2.200	6.000		8.200	Nhóm II	19
12	Xã Hưng Thi	4.600	3.550		8.150	Nhóm II	19
13	Xã Đồng Môn	2.200	6.164		8.364	Nhóm II	19
VII	Huyện Lương Sơn	132.800	400	0	133.200		
1	Xã Cao Dương	8.500			8.500	Nhóm II	19
2	Xã Tân Thành	9.000			9.000	Nhóm II	19
3	Xã Hợp Châu	8.500			8.500	Nhóm II	19
4	Xã Trường Sơn	9.000			9.000	Nhóm II	19
5	Xã Long Sơn	8.500			8.500	Nhóm II	19
6	Xã Hợp Hoà	8.000			8.000	Nhóm II	19
7	Xã Tiến Sơn	8.500			8.500	Nhóm II	19
8	Xã Hợp Thanh	9.000			9.000	Nhóm II	19
9	Xã Trung Sơn	8.500			8.500	Nhóm II	19
10	Xã Cao Thắng	2.200			2.200	Nhóm IV	19
11	Xã Hòa Sơn	2.200			2.200	Nhóm IV	19
12	Xã Liên Sơn	2.200			2.200	Nhóm IV	19
13	Xã Nhuận Trạch	2.200			2.200	Nhóm IV	19
14	Xã Thành Lập	2.200			2.200	Nhóm IV	19
15	Xã Tân Vinh	8.000			8.000	Nhóm II	19
16	Xã Lâm Sơn	8.400			8.400	Nhóm II	19
17	Xã Cư Yên	9.500			9.500	Nhóm II	19
18	Xã Thanh Lương	9.900	400		10.300	Nhóm II	19
19	Xã Cao Răm	8.500			8.500	Nhóm II	19
VII I	Huyện Mai Châu	110.500	0	0	110.500		
1	Xã Vạn Mai	9.000			9.000	Nhóm II	19
2	Xã Xăm Khòe	9.000			9.000	Nhóm II	19
3	Xã Tòng Đậu	2.200			2.200	Nhóm IV	19
4	Xã Cùn Pheo	4.500			4.500	Nhóm I	10
5	Xã Thung Khe	4.600			4.600	Nhóm III	10

ST T	Địa điểm/nội dung hỗ trợ	Tổng vốn đầu tư NSTW giai đoạn 2016-2020 được duyệt tại Nghị quyết số 108/2018/NQ- HĐND ngày 06/12/2018	Số vốn đề nghị điều chỉnh		Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2016- 2020 đề nghị điều chỉnh	Nhóm xã	Mục tiêu thực hiện đến năm 2020 (tổng số tiêu chí hoàn thành)
			Tăng (+)	Giảm (-)			
6	Xã Piềng Vế	4.400			4.400	Nhóm III	10
7	Xã Phúc Sạn	4.500			4.500	Nhóm III	10
8	Xã Mai Hịch	9.000			9.000	Nhóm II	19
9	Xã Pà Cò	4.600			4.600	Nhóm III	10
10	Xã Hang Kia	4.600			4.600	Nhóm I	10
11	Xã Nà Mèo	4.400			4.400	Nhóm I	10
12	Xã Đồng Bàng	4.500			4.500	Nhóm III	10
13	Xã Tân Dân	4.500			4.500	Nhóm I	10
14	Xã Pù Bin	4.500			4.500	Nhóm I	10
15	Xã Bao La	4.400			4.400	Nhóm III	10
16	Xã Ba Khan	4.600			4.600	Nhóm I	10
17	Xã Noong Luông	4.600			4.600	Nhóm I	10
18	Xã Nà Phòn	9.000			9.000	Nhóm II	19
19	Xã Tân Mai	4.600			4.600	Nhóm I	10
20	Xã Tân Sơn	4.600			4.600	Nhóm I	10
21	Xã Mai Hạ	2.200			2.200	Nhóm IV	19
22	Xã Chiềng Châu	2.200			2.200	Nhóm IV	19
IX	Huyện Tân Lạc	121.800	0	0	121.800		
1	Xã Phong Phú	2.200			2.200	Nhóm IV	19
2	Xã Từ Nê	2.200			2.200	Nhóm IV	19
3	Xã Địch Giáo	2.200			2.200	Nhóm IV	19
4	Xã Trung Hoà	4.600			4.600	Nhóm I	11
5	Xã Lỗ Sơn	4.500			4.500	Nhóm I	12
6	Xã Do Nhân	4.400			4.400	Nhóm I	16
7	Xã Nam Sơn	3.700			3.700	Nhóm I	12
8	Xã Ngòi Hoa	4.600			4.600	Nhóm I	11
9	Xã Phú Vinh	4.600			4.600	Nhóm I	11
10	Xã Phú Cường	4.600			4.600	Nhóm I	11
11	Xã Bắc sơn	2.770			2.770	Nhóm I	11
12	Xã Gia Mô	4.500			4.500	Nhóm I	14

ST T	Địa điểm/nội dung hỗ trợ	Tổng vốn đầu tư NSTW giai đoạn 2016-2020 được duyệt tại Nghị quyết số 108/2018/NQ- HĐND ngày 06/12/2018	Số vốn đề nghị điều chỉnh		Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2016- 2020 đề nghị điều chỉnh	Nhóm xã	Mục tiêu thực hiện đến năm 2020 (tổng số tiêu chí hoàn thành)
			Tăng (+)	Giảm (-)			
13	Xã Ngổ Luông	4.500			4.500	Nhóm I	14
14	Xã Ngọc Mỹ	4.600			4.600	Nhóm I	14
15	Xã Tuân Lộ	2.200			2.200	Nhóm IV	12
16	Xã Quy Mỹ	9.000			9.000	Nhóm II	19
17	Xã Thanh Hối	11.530			11.530	Nhóm II	19
18	Xã Đông Lai	12.800			12.800	Nhóm II	19
19	Xã Quy Hậu	2.200			2.200	Nhóm IV	15
20	Xã Quyết Chiến	7.500			7.500	Nhóm II	19
21	Xã Mãn Đức	9.000			9.000	Nhóm II	19
22	Xã Mỹ Hoà	9.000			9.000	Nhóm II	19
23	Xã Lũng Ván	4.600			4.600	Nhóm I	12
X	Thành phố Hòa Bình	39.600	1.250	0	40.850		
1	Xã Thống Nhất	8.000			8.000	Nhóm II	19
2	Xã Trung Minh	8.500	400		8.900	Nhóm II	19
3	Xã Hòa Bình	8.000	450		8.450	Nhóm II	19
4	Xã Thái Thịnh	8.500	400		8.900	Nhóm II	19
5	Xã Yên Mông	2.200			2.200	Nhóm IV	19
6	Xã Dân Chủ	2.200			2.200	Nhóm IV	19
7	Xã Sù Ngòi	2.200			2.200	Nhóm IV	19
XI	Huyện Yên Thủy	60.000	0	0	60.000		
1	Xã Ngọc Lương	2.200			2.200	Nhóm IV	19
2	Xã Yên Lạc	2.200			2.200	Nhóm IV	19
3	Xã Yên Trị	8.000			8.000	Nhóm II	19
4	Xã Phú Lai	2.200			2.200	Nhóm IV	19
5	Xã Đoàn Kết	9.000			9.000	Nhóm II	19
6	Xã Lạc Thịnh	9.000			9.000	Nhóm II	19
7	Xã Bảo Hiệu	4.600			4.600	Nhóm I	15
8	Xã Hữu Lợi	4.600			4.600	Nhóm I	14
9	Xã Lạc Hưng	4.600			4.600	Nhóm I	14
10	Xã Lạc Lương	4.400			4.400	Nhóm I	14

ST T	Địa điểm/nội dung hỗ trợ	Tổng vốn đầu tư NSTW giai đoạn 2016-2020 được duyệt tại Nghị quyết số 108/2018/NQ- HĐND ngày 06/12/2018	Số vốn đề nghị điều chỉnh		Tổng vốn đầu tư ngân sách trung ương giai đoạn 2016- 2020 đề nghị điều chỉnh	Nhóm xã	Mục tiêu thực hiện đến năm 2020 (tổng số tiêu chí hoàn thành)
			Tăng (+)	Giảm (-)			
11	Xã Đa Phúc	4.600			4.600	Nhóm I	11
12	Xã Lạc Sỹ	4.600			4.600	Nhóm I	12
B	Vốn hỗ trợ đầu tư phát triển HTX	25.500	0	25.500	0		
C	Vốn dự phòng	117.000	436	0	117.436		
	Tổng số xã đạt 19 tiêu chí nông thôn mới						94
	Bình quân tiêu chí nông thôn mới /xã						15,6

*Giảm kinh phí Hỗ trợ đầu tư phát triển hợp tác xã 25.500 triệu đồng, để bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới của huyện Lạc Thủy (huyện Lạc Thủy phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020), kinh phí thường công trình phúc lợi cho 08 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới và bổ sung nguồn vốn dự phòng.

CHỦ TỊCH



Trần Đăng Ninh